

Số: /SYT-DSTE
V/v triển khai thực hiện một số
nội dung công tác trẻ em trên địa bàn
tỉnh Lào Cai sau sáp nhập

Lào Cai, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp. Sau khi sáp nhập tỉnh Lào Cai và Yên Bái thành tỉnh Lào Cai, hiện nay trên địa bàn tỉnh Lào Cai có 99 xã, phường. Nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác trẻ em tại cấp xã hiện nay được giao về Phòng Văn hoá - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện.

Tuy nhiên sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy tại một số xã có sự thay đổi về cán bộ làm công tác trẻ em cùng với đó một số nhiệm vụ trước đây cấp huyện thực hiện nay đã chuyển về cấp xã. Để công tác trẻ em được tiếp tục triển khai hiệu quả trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo kịp thời, không bị gián đoạn, Sở Y tế (*cơ quan thành viên Ban chỉ đạo công tác bảo vệ trẻ em tỉnh*) đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục qua tâm, triển khai một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo Phòng Văn hoá - Xã hội triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến trẻ em đã quy định tại Luật Trẻ em năm 2016; Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em và các văn bản, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác trẻ em. Đối với các nhiệm vụ phân cấp về cấp xã thực hiện theo Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế và Thông tư số 16/2025/TT-BYT ngày 16/6/2025 của Bộ Y tế về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực bà mẹ trẻ em.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện các Chương trình, Kế hoạch về trẻ em của tỉnh đã được UBND tỉnh ban hành. Thực hiện có hiệu quả các nội dung trọng tâm về công tác trẻ em năm 2025 tại Kế hoạch số 135/KH-BCĐ ngày 23/4/2025 của Sở Y tế tỉnh Yên Bái (*đối với các xã thuộc tỉnh Yên Bái cũ*) và Văn bản số 767/SYT-BTXH-TE ngày 28/3/2025 của Sở Y tế tỉnh Lào Cai (*đối với các xã thuộc tỉnh Lào Cai cũ*).

(có văn bản gửi kèm theo).

3. Thành lập, xây dựng Quy chế hoạt động của Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em, cụ thể là Ban bảo vệ trẻ em cấp xã, phường (gọi chung là cấp xã) theo quy định tại khoản 2 Điều 94 Luật Trẻ em, thành phần như sau:

- Chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp phụ trách.

- Các thành viên: Công chức phụ trách công tác trẻ em cấp xã; Trưởng trạm y tế; Trưởng Công an xã; Công chức Tư pháp - hộ tịch; Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ; Bí thư đoàn thanh niên; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Hiệu trưởng nhà trường hoặc các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Ngoài các thành viên trên, tùy theo điều kiện thực tế tại các địa phương có thể bổ sung thành viên là tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn (*nếu cần thiết*) giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm đôn đốc, phối hợp thực hiện quyền trẻ em; giải quyết các vấn đề trẻ em thuộc thẩm quyền; bảo vệ trẻ em; xây dựng môi trường sống an toàn cho trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em và tai nạn thương tích trẻ em.

- Ban Bảo vệ trẻ em xã có nhiệm vụ: Chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều phối và huy động nguồn lực phục vụ cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; xây dựng kế hoạch bảo vệ, chăm sóc trẻ em xã; chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các mục tiêu và nội dung của chương trình bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại xã; chỉ đạo cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em xã và các ban ngành thành viên triển khai các hoạt động, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; chỉ đạo và điều phối thực hiện các quy trình về bảo vệ trẻ em, bao gồm việc tiến hành xác minh, điều tra các trường hợp ngược đãi, xâm hại, bạo lực, bóc lột trẻ em; chỉ đạo tiến hành thu thập số liệu về tình hình trẻ em trên địa bàn xã; báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ban chỉ đạo công tác bảo vệ trẻ em cấp tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã tiếp nhận, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi; xây dựng, triển khai kế hoạch hỗ trợ, can thiệp theo quy định của Luật Trẻ em, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ. Thành phần bao gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; Công chức phụ trách công tác trẻ em cấp xã; Trưởng trạm y tế; Trưởng Công an xã; Công chức Tư pháp - hộ tịch; Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ; Bí thư đoàn thanh niên; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ (*tùy điều kiện của địa phương lựa chọn số lượng các thành viên cho phù hợp*).

5. Đối với các nhiệm vụ triển khai cập nhật thông tin trẻ em vào phần mềm quản lý trẻ em tại cơ sở (<https://nhaplieu.treem.gov.vn>); trình tự đánh giá xã, phường phù hợp với trẻ em, thành lập Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp xã, Sở Y tế sẽ có văn bản hướng dẫn riêng sau khi có hướng dẫn của Bộ Y tế.

6. Kịp thời thông tin, báo cáo, phản ánh các vụ việc đột xuất liên quan đến trẻ em tại địa phương và Báo cáo kết quả thực hiện công tác trẻ em năm 2025 (*có phụ lục đề cương báo cáo gửi kèm theo*) trước ngày **18/11/2025** gửi về Sở Y tế qua Phòng Dân số và Trẻ em (*Đầu mối liên hệ: Đ/c Lưu Thị Thu Hằng, SĐT: 0915 516 993 hoặc Đ/c Dương Thu Hà, SĐT: 0989 258 245*) để phối hợp giải quyết.

Sở Y tế đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, DSTE.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lục Hậu Giang

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

(Kèm theo công văn số /SYT – DSTE ngày / 8/2025 của Sở Y tế tỉnh Lào Cai)

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.
2. Những vấn đề về trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

II. Công tác tham mưu, chỉ đạo

III. Kết quả thực hiện

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em.
2. Kết quả thực hiện công tác bảo vệ trẻ em năm 2025
3. Công tác phối hợp liên ngành
4. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội
5. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em
6. Đánh giá kết quả (thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân)

IV. Kiến nghị đề xuất

Phụ lục II**THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM**

(Kèm theo công văn số /SYT – DSTE ngày / 8/2025 của Sở Y tế tỉnh Lào Cai)

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 10/5 và 10/11

TT	Nội dung thu thập	ĐVT	Giới tính		Ghi chú
			Nam	Nữ	
I	Dân số trẻ em				
1	Tổng số trẻ em dưới 16 tuổi	Người			
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%			
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người			
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%			
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT	Người			
	Trong đó:				
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT	Người			
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người			
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%			
5	Xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em (đạt/không đạt)				
6	Tháng hành động vì trẻ em				
6.1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm			
6.2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt			
6.3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt			
6.4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng			
-	Ngân sách (tỉnh, xã)	Triệu đồng			
-	Nguồn vận động	Triệu đồng			

7	<i>Diễn đàn trẻ em</i>				
	Số diễn đàn trẻ em	Cuộc			
	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt			
8	<i>Tết Trung thu cho trẻ em</i>				
8.1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu	Điểm			
8.2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt			
8.3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt			
8.4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng			
-	Ngân sách (cấp tỉnh, xã)	Triệu đồng			
-	Nguồn vận động	Triệu đồng			
9	<i>Số người làm công tác trẻ em các cấp</i>				
	Cấp xã	Người			
	Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	Người			
	Cộng tác viên tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người			

Phụ lục III
THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Xã/ phường:

(Kèm theo công văn số /SYT – DSTE ngày / 8/2025 của Sở Y tế tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
a	b	1	2	3	4	5	6	7	9
I	Dân số trẻ em								
1	Trẻ em dưới 16 tuổi								
	Trong đó:								
1.1	Nam								
1.2	Nữ								
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh								
	- Dân tộc khác								
II	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ								
	1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc								
	2. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
	3. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích								
	4. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
2	Trẻ em bị bỏ rơi								
	1. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								

	2. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
3	Trẻ em không nơi nương tựa								
	1. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.								
	2. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng.								
	3. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	4. Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.								
	5. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
	6. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	7. Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em.								
	8. Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
	9. Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
	10. Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	11. Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em.								

	12. Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật.								
	13. Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích								
	14. Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích								
	15. Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE								
4	Trẻ em khuyết tật								
	1. Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.								
	2. Trẻ em khuyết tật nặng.								
	3. Trẻ em khuyết tật nhẹ.								
	4. Các dạng tật								
	-Trẻ em khuyết tật vận động								
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói								
	-Trẻ em khuyết tật nhìn								
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần								
	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ								
	-Trẻ em khuyết tật khác.								
	+ Trong đó: Trẻ em tự kỷ								
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS								
	1. Sống với cha mẹ, người thân thích								
	2. Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích.								
6	Trẻ em vi phạm pháp luật								
	1. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng								

	2. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
	3. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo								
7	Trẻ em nghiện ma túy								
	1. Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện.								
	2. Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng.								
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở								
	1. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc.								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực								
10	Trẻ em bị bóc lột								
	1. Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động.								
	2. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm.								
	3. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								
	4. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác.								

	5. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật.								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục								
	1. Trẻ em bị hiếp dâm.								
	2. Trẻ em bị cưỡng dâm.								
	3. Trẻ em bị giao cấu.								
	4. Trẻ em bị dâm ô.								
	5. Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.								
12	Trẻ em bị mua bán								
	1. Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích								
	2. Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải Điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo								
	1. Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.								
	2. Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								
	1. Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc.								
	3. Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.								
III	Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt								

Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo.								
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo								
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS).								
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS)								
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
2.1	Số trẻ em bị tai nạn thương tích								
2.2	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	Trong đó:								
	- Số trẻ em tử vong do đuối nước								
	- Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông								

